**Đọc văn.**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

 **Hàn Mặc Tử**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giáo dục cho Hs tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Tràng giang” (Huy Cận). Phân tích một khổ thơ của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

 Ở tiết trước các em đã được học một tác giả lớn của văn học hiện đại Việt Nam, đó chính là Xuân Diệu.Nếu Xuân Diệu góp vào thơ mới một tiếng thơ rạo rực, cháy bỏng yêu đương thì Hàn Mặc Tử lại mở ra một thế giới lung linh, kì ảo với những cung tình u uẩn. Và có lẽ, Hàn Mặc Tử dường như sinh ra là để làm thơ, nhưng làm thơ trong một hoàn cảnh bất hạnh.Ông phải chống chọi với đau thương, bệnh tật để sáng tạo ra những vần thơ quằn quại nhưng thấm đẫm tình đời, tình người. Và “ Đây thôn Vĩ Dạ” là một trong những bài thơ ra đời trong hoàn cảnh éo le ấy mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

- Dựa vào tiểu dẫn và sự chuẩn bị bài ở nhà, hãy khái quát một vài nét về nhà thơ Hàn Mặc Tử?

Lưu ý : GV yêu cầu sử dụng bút chì gạch chân vào sách những ý chính về tác giả.

- Hãy trình bày những nét cơ bản về sự nghiệp sáng tác của Hàn Mặc Tử ?

- - Hãy nêu một số tác phẩm chính của Hàn Mặc Tử ?

- Hãy trình bày xuất xứ của bài thơ?

- Em biết gì về hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “ Đây thôn Vĩ Dạ” ?

 Mời 1-2 hs đọc diễn cảm bài thơ.

( Lưu ý: đọc với giọng nhẹ nhàng, thiết tha phù hợp với phong cảnh, con người Huế).

- Xác định bố cục của bài thơ và ý chính của mỗi đoạn?

Lưu ý : Sau khi đọc xong bài thơ, GV khảo sát cảm nghĩ chủ quan của học sinh về bài thơ trước khi phân tích tác phẩm.

GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Tìm hiểu khổ 1:

- Gọi 1 hs đọc lại khổ 1

- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận theo câu hỏi do GV đưa ra.

- Nhóm 1: Tìm hiểu câu thơ đầu:

+ Em hãy cho biết đó là câu hỏi của ai? + Giọng điệu hỏi như thế nào?

+ Ý nghĩa của lời hỏi?

- Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ ( câu 2,3):

- Nhóm 2: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 2:

+ Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ được miêu tả như thế nào?

+ Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? Ý nghĩa của những biện pháp nghệ thuật ấy?

- Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 3:

+ Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ được miêu tả như thế nào?

+ Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? Ý nghĩa của những biện pháp nghệ thuật ấy?

- Nhóm 4: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 4:

+ Con người thôn Vĩ hiện lên với những nét vẽ nào?

Tiểu kết :

+ Em có nhận xét gì về thiên nhiên và con người thôn Vĩ ở khổ thơ này?

 + Qua đó, em cảm nhận như thế nào về tâm trạng của thi nhân?

 I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

a. Cuộc đời :

- Hàn Mặc Tử (1912-1940),tên thật là Nguyễn Trọng Trí, - Quê quán: làng Lệ Mĩ, huyện Phong Lộc, nay

thuộc TP. Đồng Hới (Quảng Bình), xuất thân

trong một gia đình công giáo nghèo.

- Tốt nghiệp trung học, Hàn Mặc Tử đi làm ở Sở Đạc điền Bình Định rồi vào Sài Gòn làm báo.

- - Ông có một số phận đau thương và bất hạnh đến

nghiệt ngã.

+ Cha mất sớm, ở với mẹ tại Quy Nhơn.

+Năm 24 tuổi (1936), ông mắc bệnh phong. Ông về hẳn

Quy Nhơn để chữa trị.

+ Ông mất khi tuổi đời còn rất trẻ chỉ 28 tuổi (1940)

 Những nghiệt ngã của số phận đã ảnh hưởng rất

lớn đến hồn thơ của ông.

b. Sự nghiệp sáng tác

- Ông làm thơ từ năm 14, 15 tuổi với các bút

danh: Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn

Mặc Tử.

- Ban đầu, Hàn Mặc Tử sáng tác theo khuynh

hướng thơ cổ điển Đường luật, sau chuyển sang

sáng tác theo khuynh hướng Thơ mới lãng mạn.

- Tác phẩm chính: Gái quê, Thơ điên, Xuân như ý, Duyên kì ngộ, …

 => Hàn Mặc Tử là nhà thơ có hồn thơ mãnh liệt, gắn bó tha thiết với cuộc đời trong phong trào Thơ mới “ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên)

2.Tác phẩm:

 a. Xuất xứ:

- Bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" lúc đầu có tên "Ở đây thôn Vĩ Dạ",

- Được sáng tác vào khoảng năm 1938 in lần đầu trong tập "Thơ Điên" về sau đổi thành “Đau thương”.

b. Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ được gợi cảm hứng từ mối tình của Hàn Mặc Tử và người con gái gốc Vĩ Dạ - Hoàng Cúc

- Ngoài ra, cảm hứng bài thơ còn qua một tấm thiệp của Hoàng Cúc gửi tặng Hàn Mặc Tử cùng với những lời động viên, an ủi khi bà nghe tin nhà thơ bị bệnh hiểm nghèo.

c. Bố cục: 3 phần:

- Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.

- Khổ 2: Cảnh đêm trăng thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa.

- Khổ 3: Tâm tình của thi nhân

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết

- “ Sao anh… thôn Vĩ ?” : Câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái:

+ Vừa như lời trách móc, hờn dỗi vừa như lời mời gọi tha thiết của người con gái thôn Vĩ.

+ Đây cũng là lời tự hỏi mình, trách mình sao không về thăm thôn Vĩ.

=> Cả câu thơ chính là ao ước thầm kín, là niềm khao khát được trở về thôn Vĩ, được thăm lại cảnh cũ, người xưa

- Cảnh thiên nhiên thôn Vĩ buổi sớm mai (câu 2,3):

 + “ Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên":

• Điệp từ “nắng”: nhấn mạnh ánh sáng của buổi bình minh.

• Hình ảnh "Nắng hàng cau nắng mới lên": gợi lên cái nắng ấm áp, rực rỡ, trong trẻo, tinh khôi trong buổi bình minh.

=> Cả câu thơ gợi vẻ đẹp trong trẻo, tinh khiết của thôn Vĩ trong buổi bình minh. Nắng chiếu trên những hàng cau trong vườn, rực rỡ, mới mẻ, tinh khôi.

 + "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc":

• “vườn ai”: đại từ phiếm chỉ “ai” gợicảm giác mơ hồ, bất định trong tâm hồn thi nhân.

• “mướt quá ”: giống như một tiếng reo ngỡ ngàng, trầm trồ, khen ngợi khi nhận ra vẻ non tơ, mượt mà, đầy xuân sắc của khu vườn thôn Vĩ.

• “Xanh như ngọc”: nghệ thuật so sánh, diễn tả được sự xanh mướt, xanh trong, màu xanh ấy đổ đầy sắc ngọc. → gợi lên vẻ đẹp tươi tốt, màu mỡ làm bừng sáng của khu vườn thôn Vĩ.

=> Thiên nhiên thôn Vĩ buổi ban mai đẹp thanh khiết, trong trẻo, thơ mộng, tràn trề sức sống.

- Con người thôn Vĩ: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền":

 + “Mặt chữ điền”: là biểu tượng của nét đẹp phúc hậu, hiền lành, trung thực.

+ “lá trúc che ngang”: lá trúc mảnh mai, gợi nét đẹp kín đáo, dịu dàng của con người xứ Huế.

=> Câu thơ giàu chất tạo hình: sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

Tiểu kết :

 Thôn Vĩ buổi ban mai: Cảnh sắc thơ mộng, con người phúc hậu.

 Tâm trạng thi nhân: hạnh phúc, yêu thiên nhiên, yêu người tha thiết cùng niềm băn khoăn, day dứt của nhà thơ.

C. Hoạt động luyện tập

1.Câu thơ nào trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử gợi vẻ đẹp nên thơ, hài hòa giữa thiên nhiên và con người thôn Vĩ?

 A. "Lá trúc che ngang mặt chữ điền".

 B. "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên".

 C. "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc".

 D. "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?".

2.Tâm trạng, cảm xúc nổi bật toát ra từ bức tranh thiên nhiên trong khổ thơ thứ nhất bài Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không thuộc nội dung, sắc thái nào sau đây?

 A. Vui tươi.

 B. Thương nhớ.

 C. Đắm say.

 D. Ngậm ngùi.

3.Hình thức câu trùng điệp ở khổ thơ đầu ("Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên") trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không nhằm dụng ý nào trong các dụng ý sau?

 A. Làm cho màu xanh "vườn ai" thêm xanh mướt, gợi cảm.

 B. Làm cho cảnh bình minh thôn Vĩ thêm tươi sáng, quyến rũ.

 C. Làm cho cả khu vườn sáng bừng lên, chan hòa nắng mới.

 D. Làm cho cảm xúc náo nức, vui tươi được bộc lộ một cách ý nhị.

4.Dòng nào nói không đúng về cuộc đời tác giả Hàn Mặc Tử?

 A. Mất nhà thương Quy Hòa (Quy Nhơn), thọ 28 tuổi.

 B. Sau khi học hết trung học, ông ra Hà Nội làm báo một thời gian rồi trở lại Quy Nhơn.

 C. Cha mất sớm, ông sống với mẹ ở Quy Nhơn (tỉnh Bình Định), học ở Quy Nhơn, và có hai năm học trung học ở Huế (1928-1930).

 D. Tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ở Đồng Hới, Quảng Bình, trong một gia đình viên chức nhỏ theo đạo Thiên Chúa.

5: Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” được sáng tác vào năm nào?

A 1936

B 1937

C 1938

D 1939

6: Hàn Mặc Tử sống những năm cuối đời ở đâu?

A Quy Nhơn

B Huế

C Quãng Bình

D Nam Định

7: Một trong những nỗi niềm mà thi nhân gửi gắm qua khổ 1 là gì?

A Nỗi nhớ người yêu da diết

B Khát nhao được trở về, tắm mình trong vẻ đẹp của thôn Vĩ

C Thể hiện tâm trạng nuối tiếc một thời đã qua

D Tất cả 3 ý trên

8.Tiếng nói nội tâm của nhân vật trữ tình trong cả khổ thơ đầu (nhất là câu hỏi: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ") trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không mang sắc thái cảm xúc nào?

 A. Hờn giận.

 B. Trách móc.

 C. Mời mọc.

 D. Băn khoăn.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ Rabinđranat Tagor từng bày tỏ: “Ngọn gió nhà thơ băng qua rừng, băng qua biển để tìm ra tiếng nói của riêng mình”.

 (Những con chim bay lạc)

Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến trên. Hãy đi tìm tiếng nói của riêng Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử trong những cảm nhận về sự sống trần gian qua hai đoạn trích sau:

Của ong bướm này đây tuần tháng mật

…

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

(Vội vàng, Xuân Diệu)

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

…

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

(Đây thôn Vĩ Dạ, Hàn Mặc Tử)

Hướng dẫn :

1, Giải thích ý kiến

Ngọn gió: tài năng, cảm hứng sáng tạo và tư tưởng nghệ thuật của nhà thơ.

Tiếng nói riêng: cái độc đáo, nét riêng trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ và cách thể hiện của nhà thơ. tạo nên sự khác biệt, biểu hiện của cá tính sáng tạo, gía trị và sức hấp dẫn trong tác phẩm.

Ý kiến đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa tài năng, tư tưởng, những trải nghiệm cá nhân và phong cách của nhà văn. Cái tài, cái tâm cùng với những rung cảm thẩm mĩ là cơ sở để nhà thơ có được “tiếng nói riêng”, giúp tác phẩm vượt qua những giới hạn, những rào cản để đến với người đọc và tạo lập nên những giá trị bất hủ.

Chứng minh ngắn gọn bằng lí luận và thực tiễn văn học.

2. Đi tìm tiếng nói riêng của Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử qua hai đoạn trích

-Xuân Diệu và Hàn Mặc Từ là hai đỉnh cao, đồng thời cũng là hai hồn thơ đặc biệt nhất của phong trào Thơ mới 1932 – 1945. Họ có những nét mới, lạ rất khác nhau, điều đó được thê hiện rõ qua cách cảm nhận và thể hiện hình ảnh của sự sống trần gian ớ hai đoạn trích của bài Vội vàng và Đây thôn Vĩ Dạ.

Cảm hứng sáng tạo:

Với Xuân Diệu là càm xúc rạo rực, háo hức của một trái tim nồng nhiệt, cuồng si đang tận hưởng trọn vẹn những âm thanh và sắc màu sự sống. Còn với Hàn Mặc Tử là nỗi khắc khoải ngóng trông bằng kí ức về một góc vườn xứ Huế đã trờ thành xa xôi, diệu kì.

Những cảm nhận riêng về thiên nhiên và sự sống trần gian:

Hàn Mặc Tử: thiên nhiên và con người trong buổi ban mai trong trẻo, tinh khôi, lung linh ánh sáng và dâng tràn sức sống. Cảnh và người vừa gần gũi, cụ thể vừa mơ hồ. nhoà nhạt trong mơ tưởng.

1Xuân Diệu: thiên nhiên tạo vật quấn quýt, giao hoà, thấm đẫm màu sắc ái ân, tình tự. Bức tranh mùa xuân với những sự vật đang khoe sắc, toả hương tươi trẻ. quyến rũ và rạo rực xuân tình.

Nghệ thuật thể hiện:

Giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh… ở mỗi đoạn thơ đều có những nét đặc biệt, thể hiện cá tính sáng tạo của từng tác giả.

=> Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử đã mang đến cho thơ ca dân tộc và người đọc những góc nhìn mới mẻ về những cảnh sắc tưởng chừng như đã vô cùng quen thuộc. Sự mới mẻ đầy hấp dẫn ấy được tạo nên từ tài năng vượt trội, tâm hồn nhạy cảm trước thiên nhiên, cuộc sống và trái tim thấm đẫm tình đời, tình người của hai thi sĩ

. Đánh giá

“Tiếng nói riêng” không chỉ tạo nên sức sống và sự hấp dẫn của tác phâm mà còn góp phần làm phong phú thêm cho thơ ca nhân loại. Vì vậy, sáng tạo bằng tài năng và tâm huyết của mình vừa là thiên chức, vừa là trách nhiệm của nhà thơ.

Tuy nhiên, chỉ khi nào cái riêng ấy chạm được đến những nỗi niêm, những khát vọng và những rung động thẩm mĩ của tất cả mọi người và mọi thời đại, thì mới tạo nên tầm khái quát và chiều sâu nhân đạo cho tác phẩm, đưa tác phâm “băng qua rừng, băng qua biển” để bất tử trong lòng ngưòi đọc.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Những kiến thức cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Bức tranh thôn Vĩ bình minh và tâm trạng nhà thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn tiết tiếp theo của bài này.

Đọc văn.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

 Hàn Mặc Tử

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Vẻ đẹp thơ mộng, đượm buồn của thôn Vĩ và nỗi buồn, cô đơn trong cảnh ngộ bất hạnh của một con người tha thiết yêu thiên nhiên, yêu sự sống.

- Phong cách thơ Hàn Mặc Tử qua bài thơ: một hồn thơ luôn quằn quại yêu, đau; trí tưởng tượng phong phú; hình ảnh thơ có sự hoà quyện giữa thực và ảo.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giáo dục cho Hs tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử). Phân tích khổ một của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

Trong phong trào thơ mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tiếp tục tìm hiểu văn bản.

Tìm hiểu khổ 2:

- Gọi 1 hs đọc khổ 2

GV dẫn : Ta thấy rằng ở khổ thơ này, cũng là không gian Vĩ Dạ thế nhưng nó không phải là không gian Vĩ Dạ ở buổi bình minh nữa mà không gian ấy đã thấm đẫm màu sắc hư ảo. Vĩ Dạ vừa mới hừng đông thoắt một cái đã là Vĩ Dạ huyền ảo trong đêm trăng

 - Sử dụng kĩ thuật trình bày một phút.

- Không gian thiên nhiên hiện lên ở khổ thơ thứ 2 với những hình ảnh nào?

-Em có nhận xét gì về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong hai câu thơ đầu của khổ thơ thứ hai?Phân tích nét độc đáo trong cách thể hiện của nhà thơ

- Thể hiện tâm trạng gì của tác giả?

- Trong lời thơ xuất hiện những hình ảnh quen thuộc nào trong văn học?

Hình ảnh “thuyền- sông- trăng”

- Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

 (Hồ Chí Minh)

- Thuyền kề bãi tuyết nguyệt chênh chếch

 ( Nguyễn Trãi)

GV dẫn: Có thể thấy một điều các hình ảnh “thuyền, sông, trăng” vốn là những nguồn cảm hứng sáng tác của các nhà thơ xưa và đến với Hàn Mặc Tử, ông đã có cách cảm nhận đầy mới mẻ, độc đáo khi sử dụng hình ảnh “sông trăng” thay cho hình ảnh ánh trăng

- Em hiểu dòng “sông trăng” là dòng sông như thế nào?

- Tại sao tác giả lại hỏi “có chở trăng về kịp tối nay” mà không phải là tối mai hay một tối nào khác?Qua đó ta thấy được điều gì trong tâm hồn thi sĩ?

- Hãy cho biết từ “ kịp” trong câu cuối khổ thơ đã gọi lên tâm thế gì của thi sĩ ?

- Em cảm nhận gì về cảnh vật và tâm trang thi nhân ở khổ thơ này?

 II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Khổ 2: Cảnh đêm trăng thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa

-Không gian mênh mông có đủ gió, mây,sông, nước, trăng, hoa.

-“Gió theo… mây”: cách ngắt nhịp 4/3 với hai vế tiểu đối gợi tả không gian gió mây chia lìa như một nghịch cảnh đầy ám ảnh của sự chia lìa, xa cách. Lẽ thường gió thổi mây bay, phải chăng mặc cảm chia lìa đã khiến thi nhân phân đôi ca những sự vật tương chừng như không thể chia tách?

- “ Dòng nước buồn thiu”: nghệ thuật nhân hóa: dòng sông trở thành một sinh thể mang tâm trạng gợi cảm giác u buồn. Dòng sông không thể tự buồn mà nhà thơ đã gửi nỗi buồn của mình vào trong lòng sông.

- "hoa bắp lay": sự chuyển động rất nhẹ, động thái “lay” tự nó không vui không buồn nhưng trong hoàn cảnh này nó gợi nên nỗi buồn hiu hắt, thưa vắng.

→ Cảnh vật được nội tâm hóa bộc lộ nỗi đau thân phận , sự chia lìa xa cách.

=> Cảnh đẹp nhưng rời rạc, đơn độc, hiu hắt, phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ trước cuộc đời

- “ Thuyền ai đậu bến sông trăng đó”

+ “ Sông trăng” : là hình ảnh hết sức thi vị và tài hoa. Ánh trăng tan ra, làm cả mặt sông trải tràn ánh sáng của trăng. Dòng nước tắm trong ánh trăng ấy bỗng hóa thành dòng “sông trăng”. Sự liên tưởng tinh tế của nhà thơ đã tạo nên những hình ảnh lãng mạn trôi giữa hai bờ hư thực.

 + Đại từ phiếm chỉ “ai”: gợi cảm giác mơ hồ, xa lạ đầy ảo mộng.

=> Với vẻ đẹp huyền ảo của ánh trăng, sông trăng, tác giả đã thể hiện vẻ đẹp tiêu biểu của xứ Huế, êm đềm và thơ mộng.

- “Có chở trăng về kịp tối nay?”

 + “ kịp tối nay ? ”: câu hỏi tu từ thảng thốt, băn khoăn có gì đó khắc khoải, khẩn thiết. Dường như tác giả đang mong ngóng, hi vọng và đang chạy đua với thời gian.

+ Chữ “ kịp” : khiến cho khoảng thời gian “tối nay” càng trở nên ngắn ngủi. Ta cảm nhận được sự lo sợ, hối hả của tác giả về một hiện tại ngắn ngủi của mình.

+ Hàng loạt câu hỏi: thuyền ai? Thuyền có chở trăng? Có chở trăng về kịp tối nay? => Câu hỏi ẩn chứa sự day dứt, mong chờ và lo lắng trong tâm hồn nhà thơ.

+ “Thuyền chở trăng”, “bến sông trăng”: hình ảnh thi vị trôi giữa đôi bờ hư thực. Hình ảnh “thuyền chở trăng” hay chính là chở niềm mong ước được giao duyên hội ngộ

=> Cảnh vẫn đẹp nhưng hiu hắt, buồn bã, lạnh lẽo.

 Khổ thơ thứ hai đã vẽ nên một bức tranh sông Hương nên thơ, huyền ảo, phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ. Khổ thơ đã gieo vào lòng người sự cảm thông sâu sắc trước niềm đau của thi nhân.

C. Hoạt động luyện tập

1: Không gian thiên nhiên hiện lên ở khổ thơ thứ 2 với những hình ảnh nào?

A Gió, mây

B Sông, nước

C Trăng, hoa

D Cả A, B, C đều đúng

2: Bút pháp nghệ thuật ở khổ thơ thứ hai là gì?

A Bút pháp tả thực

B Bút pháp ảo hóa

C Búp pháp lãng mạn

D Bút pháp chấm phá

3.Nhịp điệu phong vị của "gió, mây, nước, hoa..." xứ Huế được miêu tả trong hai câu đầu khổ thơ thứ hai bài Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không phải là nhịp điệu, phong vị nào sau đây?

 A. Trầm buồn.

 B. Chậm rãi, khoan thai.

 C. Xôn xao, náo nức.

 D. Lặng lờ.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều từng chia sẻ:

Thơ ca là nơi duy nhất để giải phóng tôi và để tôi trú ẩn.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử để làm sáng tỏ ý kiến.

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến

– Cắt nghĩa ý kiến:

+ Giải phóng: cởi bỏ, giải thoát, vượt lên khỏi mọi giới hạn, ràng buộc.

+ Trú ẩn: tìm được nơi bình yên để nương náu.

=>Lời tâm sự của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đề cao, tôn vinh giá trị, thiên chức của thơ ca: thơ ca là cách duy nhất giúp con người vượt lên mọi giới hạn, ràng buộc để giải tỏa những cảm xúc sâu kín, đồng thời tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn.Giá trị của thơ được nhìn ở cả hai phương diện: người làm thơ và người đọc thơ.

– Lý giải ý kiến:

+ Thơ là phương thức trữ tình, là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, nơi nhà thơ chia sẻ, trút gửi những tâm tư sâu kín, những sự giày vò và chấn động bên trong. Đối với người nghệ sĩ, hoạt động sáng tạo thơ ca thực chất là sự giải phóng tâm hồn. Mặt khác, khi bộc bạch tâm tình của mình vào thơ, nhà thơ mong có được sự đồng điệu, tri âm, thấu hiểu của người đọc. Như thế, với nhà thơ, làm thơ vừa là thổ lộ, giãi bày tâm tình, vừa là tìm kiếm sự sẻ chia, đồng cảm.

+ Tình cảm trong thơ vừa mang tính cá thể, vừa có tính điển hình, vừa là nỗi lòng riêng, vừa là tiếng lòng chung. Bởi thế, khi đến với thơ, lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ, người đọc tìm được sự sẻ chia, đồng điệu, được khơi dậy những rung động, được bồi đắp và tinh luyện tình cảm, từ đó tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn.

2. Cảm nhận bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ để làm sáng tỏ ý kiến.

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn Hàn Mặc Tử khi sáng tác Đây thôn Vĩ Dạ:

+ Đây thôn Vĩ Dạ là sự giải phóng tâm hồn của Hàn Mặc Tử:

\* Nhà thơ đã vượt lên, thoát khỏi những giới hạn của câu chữ, của nỗi đau thể xác (bệnh tật giày vò), nỗi đau thân phận (hoàn cảnh tăm tối, bế tắc), nỗi đau tinh thần (sự cô đơn, tuyệt vọng, ám ảnh về cái chết) để trút gửi, bộc bạch, thổ lộ nỗi khát khao, tình yêu đời, yêu sống, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết mà đau thương, trong trẻo mà đầy uẩn khúc:

(\*) Niềm ao ước thầm kín mà đắm say, ngậm ngùi nhớ tiếc mà thiết tha rạo rực (gửi gắm qua sự rung động trước vẻ đẹp của khu vườn thôn Vĩ dưới nắng mai tinh khôi, giản dị, thanh tú: nắng hàng cau, nắng mới, vườn, xanh như ngọc, lá trúc che ngang…).

(\*) Mặc cảm chia lìa, niềm ngóng trông đến khắc khoải, đợi chờ đến vô vọng (thổ lộ qua cảnh sông nước Vĩ Dạ: gió, mây, dòng nước buồn, hoa bắp lay, thuyền trăng, sông trăng…).

(\*)Tình yêu đời đầy uẩn khúc: hoài nghi mà vẫn mơ tưởng, đau đớn mà vẫn thiết tha, tuyệt vọng mà vẫn níu kéo (thể hiện qua nỗi khắc khoải: mơ, khách đường xa, áo trắng, sương khói…)

\* Tiếng lòng của Hàn Mặc Tử trong Đây thôn Vĩ Dạđược giải phóngqua mạch thơ vừa đứt đoạn vừa nhất quán, lối tạo hình giản dị mà tài hoa, ngôn từ cực tả và biểu cảm, hình ảnh thơ giản dị mà giàu sức gợi.

+ Đây thôn Vĩ Dạ là nơi trú ẩn tâm hồn của Hàn Mặc Tử: viết bài thơ cũng chính là cách nhà thơ tìm đến một sự sẻ chia, đồng cảm, thấu hiểu để xoa dịu nỗi đau trong tâm hồn.

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn người đọc khi đến với bài thơ:

+ Vượt ra khỏi sự chật hẹp của câu chữ, vượt lên khỏi những bộn bề của cuộc sống đời thường, bài thơ khơi gợi, đánh thức trong lòng người đọc sự đồng cảm, sẻ chia với tiếng lòng đau thương của nhà thơ; nỗi xốn xang ngậm ngùi về những kỉ niệm đẹp đã mãi tuột khỏi tầm tay; những rung động và khao khát hướng đến những điều lớn lao và đẹp đẽ trong cuộc sống.

+ Đó cũng là điểm tựa tinh thần xoa dịu những mất mát, đau thương, giúp bồi đắp, thanh lọc tâm hồn con người.

3. Bình luận – đánh giá ý kiến

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn con người khi sáng tạo và tiếp nhận thơ ca không tách biệt mà diễn ra một cách đồng thời, bổ sung cho nhau. Khi nhà thơ trút gửi tâm tình cũng là lúc đang sẻ chia, tìm kiếm sự đồng cảm, thấu hiểu, tri âm. Còn người đọc, khi lắng nghe tiếng lòng nhà thơ, thức dậy bao xúc cảm, trăn trở cũng là lúc được sẻ chia, bồi đắp, thanh lọc tâm hồn.

– Chia sẻ của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều là một quan niệm xác đáng về giá trị, thiên chức cao cả của thơ ca. Thơ ca chân chính muôn đời vẫn luôn là điểm tựa tinh thần, là sự cứu rỗi tâm hồn con người. Sứ mệnh ấy của thơ ca là duy nhất, không có bất cứ điều gì có thể thay thế.Chừng nào con người còn cần đến sự đồng cảm, sẻ chia của tâm hồn, cần đến điểm tựa tinh thần, khi ấy, thơ ca sẽ còn ở lại.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Bức tranh thôn Vĩ đêm trăng và tâm trạng nhà thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn tiết tiếp theo của bài này.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

 Hàn Mặc Tử

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Giúp học sinh cảm nhận được bức tranh thiên nhiên, phong cảnh cũng là tâm cảnh, qua đó thể hiện một nỗi buồn cô đơn của Hàn Mặc Tử. Đó còn là tấm lòng thiết tha của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc sống và con người.

- Nhận biết sự vận động của tứ thơ, tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giúp học sinh thêm yêu thiên nhiên, con người và quý trọng tình cảm, biết đồng cảm, chia sẻ với những người mắc bệnh hiểm nghèo như Hàn Mặc Tử.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử). Phân tích khổ hai của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

 Hàn Mặc Tử được xem là “một tếng thơ bí ẩn, một đời thơ bất hạnh” nhất của phong trào thơ mới. Đến với tập “thơ điên” của ông, ta như say trong “máu cuồng và hồn điên” với những đau thương, day dứt. Ấy thế mà giữa bản đàn rớm máu ấy lại lạc vào một nốt nhạc trong trẻo tựa hồ cõi thiên thai lạc giữa bụi trần. “Đây thôn Vĩ Dạ” là bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tiếp tục đọc hiểu văn bản

Tìm hiểu khổ 3:

- Gọi 1 Hs đọc lại khổ 3

- Nghệ thuật gì đã được sử dụng ở câu thơ đầu tiên? Phân tích ý nghĩ của biện pháp nghệ thuật đó?

- Em có nhận xét gì về cách miêu tả hình ảnh người con gái trong câu thơ "Áo em trắng quá nhìn không ra"?

- "Sương khói mờ nhân ảnh" là hình ảnh thực hay mơ?

- Em có nhận xét gì về đại từ phiếm chỉ “ai” ? "Ai" lặp lại hai lần nhằm mục đích gì?

+ Chút hoài nghi trong câu thơ cuối biểu hiện tình cảm gì của tác giả?

- Em cảm nhận gì về cảnh vật và tâm trang thi nhân ở khổ thơ này?

GV hướng dẫn HS tổng kết

Em hãy nêu những giá trị nghệ thuật của bài thơ ( ngôn ngữ, nhịp điệu, hình ảnh thơ và các biện pháp nghệ thuật) ?

Gv bổ sung, chốt lại.

Em có nhận xét gì về ý nghĩa văn bản của bài thơ?

 II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

3. Khổ 3: Tâm tình của thi nhân.

- “Mơ khách đường xa, khách đường xa”

 + “mơ”: đó là trạng thái vô thức, nhà thơ đang đắm chìm trong cõi mộng

+ Điệp từ “khách đường xa”: đã đẩy người khách xa đến vô vọng, xa đến nỗi không thể nào gặp được. Nhấn mạnh nỗi xót xa của nhà thơ.

 - “Áo em trắng quá nhìn không ra”:

 + “Áo em trắng quá” → từ “quá”: sự choáng ngợp, thảng thốt nhưng đằng sau đó là sự nghẹn ngào, xót xa nuối tiếc.

 + “nhìn không ra”: cực tả sắc trắng, trắng một cách kỳ lạ và bất ngờ. Đây không còn là màu sắc thực nữa mà là màu của tâm tưởng.

- “ Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”

 +“Ở đây”: chính là thế giới nhà thơ đang tồn tại, đang từng giây từng phút vật vã với cái chế- đó là thế giới lạnh lẽo, u ám mà nhà thơ luôn ngóng vọng được ra ngoài.

 + “Sương khói”: sương khói của một mối tình mong manh chưa lời ước hẹn, sương khói cua một trái tim biết mình sắp từ giã cõi đời…

- “Ai biết tình ai có đậm đà ? ”

+ Đại từ phiếm chỉ “ai” lặp lại 2 lần: là tiếng gọi tha thiết đầy khát vọng nhưng “khách đường xa” dường như cứ chập chờn rồi khuất bóng =>nhấn mạnh tâm trạng bâng khuâng, xót xa của một tâm hồn đang khao khát được yêu, khao khát sự đồng điệu, đồng cảm.

+ Nhà thơ làm sao biết tình người xứ Huế có đậm đà với mình hay không, hay cũng mờ ảo như làn khói kia.

+ Người xứ Huế có biết hết chăng tình cảm của nhà thơ đối với cảnh Huế, người Huế hết sức đậm đà?

 Ý thơ thể hiện nỗi trống vắng, cô đơn trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời đã nhuốm đau thương, bất hạnh.

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật:

- Hình ảnh thơ độc đáo, đẹp, gợi cảm; ngôn ngữ trong sáng, tinh tế, giàu liên tưởng.

- Âm điệu, nhịp điệu thơ tinh tế, thiết tha

- Hình ảnh thơ sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

- Nghệ thuật liên tưởng, so sánh, nhân hóa, cùng với những câu hỏi tu từ xuyên suốt bài thơ, Hàn Mặc Tử đã phác họa ra trước mắt ta một khung cảnh nên thơ, đầy sức sống.

2. Nội dung

- Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến đối với cảnh sắc thiên nhiên, con người xứ Huế và nỗi buồn sâu kín trong dự cảm tình yêu, hạnh phúc chia xa của nhà thơ.

C. Hoạt động luyện tập

1: Đại từ phiếm chỉ “Ai” trong khổ 3 được lặp lại mấy lần, và “Ai” chỉ đối tượng nào?

A 1 lần, “Ai” là tác giả

B 1 lần, “Ai người xứ Huế

C 2 lần, “Ai” là tác giả và là người xứ Huế

D 3 lần, “Ai là tác giả và là người xứ Huế

2.Trong ba lần sử dụng câu hỏi tu từ với đại từ phiếm chỉ "ai" (Vườn ai...? Thuyền ai...? Ai biết tình ai...?) trong Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử, lần nào người đọc cảm nhận câu hỏi tu từ ẩn giấu một nỗi buồn da diết?

 A. Không lần nào.

 B. Lần thứ nhất (khổ đầu).

 C. Lần thứ ba (khổ cuối).

 D. Lần thứ hai (khổ giữa).

3.Sắc thái cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không phải là sắc thái nào sau đây?

 A. Hoài nghi.

 B. Tuyệt vọng.

 C. Nhớ thương, vô vọng.

 D. Khát khao, vô vọng.

4.Nhận định nào sau đây không đúng?

Khởi đầu sự nghiệp văn chương bằng lối thơ truyền thống (Đường luật), phát triển sự nghiệp văn chương bằng lối thơ hiện đại, tân kì (lãng mạn, tượng trưng, siêu thực), con đường thơ Hàn Mặc Tử là con đường

 A. hiện đại hóa thơ Việt.

 B. liên tục làm cách mạng trong thơ.

 C. không ngừng tự làm mới thơ mình.

 D. đi từ thơ cũ đến thơ mới.

5.Cảm hứng bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử được bắt đầu từ tấm thiếp phong cảnh của cô gái thôn Vĩ Dạ. Cô gái đó là ai?

 A. Mộng Cầm.

 B. Thương Thương.

 C. Hoàng Cúc.

 D. Mai Đình.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Ba khổ thơ là ba bức tranh khác nhau. Phải chăng bài thơ là sự chắp nối vụng về, rời rạc giữa 3 đoạn? Có dòng chảy nào xuyên suốt các khổ thơ?

Gợi ý:

- Từ khổ 1 - khổ 2 - khổ 3:

+ Cảnh vật: tươi sáng, giàu sức sống - ảm đạm, uể oải – hư ảo, mờ nhòe.

+ Tâm trạng thi nhân: hi vọng – dự cảm chia lìa, thất vọng, hồ nghi – tuyệt vọng.

-Đại từ phiếm chỉ ai mang nghĩa mơ hồ lặp lại đều đặn trong các khổ thơ: vườn ai, thuyền ai, ai biết tình ai.

- Sự lặp lại của các câu hỏi tu từ trong các khổ: Sao anh không về chơi thôn Vĩ?; Có chở trăng về kịp tối nay?; Ai biết tình ai có đậm đà? thể hiện sự khắc khoải, khát khao tình yêu, hạnh phúc của chủ thể trữ tình.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.

- Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn bài “Chiều tối” (Hồ Chí Minh).

Đọc văn.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

 Hàn Mặc Tử

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giáo dục cho Hs tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Tràng giang” (Huy Cận). Phân tích một khổ thơ của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

 Ở tiết trước các em đã được học một tác giả lớn của văn học hiện đại Việt Nam, đó chính là Xuân Diệu.Nếu Xuân Diệu góp vào thơ mới một tiếng thơ rạo rực, cháy bỏng yêu đương thì Hàn Mặc Tử lại mở ra một thế giới lung linh, kì ảo với những cung tình u uẩn. Và có lẽ, Hàn Mặc Tử dường như sinh ra là để làm thơ, nhưng làm thơ trong một hoàn cảnh bất hạnh.Ông phải chống chọi với đau thương, bệnh tật để sáng tạo ra những vần thơ quằn quại nhưng thấm đẫm tình đời, tình người. Và “ Đây thôn Vĩ Dạ” là một trong những bài thơ ra đời trong hoàn cảnh éo le ấy mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

- Dựa vào tiểu dẫn và sự chuẩn bị bài ở nhà, hãy khái quát một vài nét về nhà thơ Hàn Mặc Tử?

Lưu ý : GV yêu cầu sử dụng bút chì gạch chân vào sách những ý chính về tác giả.

- Hãy trình bày những nét cơ bản về sự nghiệp sáng tác của Hàn Mặc Tử ?

- - Hãy nêu một số tác phẩm chính của Hàn Mặc Tử ?

- Hãy trình bày xuất xứ của bài thơ?

- Em biết gì về hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “ Đây thôn Vĩ Dạ” ?

 Mời 1-2 hs đọc diễn cảm bài thơ.

( Lưu ý: đọc với giọng nhẹ nhàng, thiết tha phù hợp với phong cảnh, con người Huế).

- Xác định bố cục của bài thơ và ý chính của mỗi đoạn?

Lưu ý : Sau khi đọc xong bài thơ, GV khảo sát cảm nghĩ chủ quan của học sinh về bài thơ trước khi phân tích tác phẩm.

GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Tìm hiểu khổ 1:

- Gọi 1 hs đọc lại khổ 1

- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận theo câu hỏi do GV đưa ra.

- Nhóm 1: Tìm hiểu câu thơ đầu:

+ Em hãy cho biết đó là câu hỏi của ai? + Giọng điệu hỏi như thế nào?

+ Ý nghĩa của lời hỏi?

- Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ ( câu 2,3):

- Nhóm 2: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 2:

+ Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ được miêu tả như thế nào?

+ Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? Ý nghĩa của những biện pháp nghệ thuật ấy?

- Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 3:

+ Bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ được miêu tả như thế nào?

+ Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? Ý nghĩa của những biện pháp nghệ thuật ấy?

- Nhóm 4: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật câu thơ 4:

+ Con người thôn Vĩ hiện lên với những nét vẽ nào?

Tiểu kết :

+ Em có nhận xét gì về thiên nhiên và con người thôn Vĩ ở khổ thơ này?

 + Qua đó, em cảm nhận như thế nào về tâm trạng của thi nhân?

 I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

a. Cuộc đời :

- Hàn Mặc Tử (1912-1940),tên thật là Nguyễn Trọng Trí, - Quê quán: làng Lệ Mĩ, huyện Phong Lộc, nay

thuộc TP. Đồng Hới (Quảng Bình), xuất thân

trong một gia đình công giáo nghèo.

- Tốt nghiệp trung học, Hàn Mặc Tử đi làm ở Sở Đạc điền Bình Định rồi vào Sài Gòn làm báo.

- - Ông có một số phận đau thương và bất hạnh đến

nghiệt ngã.

+ Cha mất sớm, ở với mẹ tại Quy Nhơn.

+Năm 24 tuổi (1936), ông mắc bệnh phong. Ông về hẳn

Quy Nhơn để chữa trị.

+ Ông mất khi tuổi đời còn rất trẻ chỉ 28 tuổi (1940)

 Những nghiệt ngã của số phận đã ảnh hưởng rất

lớn đến hồn thơ của ông.

b. Sự nghiệp sáng tác

- Ông làm thơ từ năm 14, 15 tuổi với các bút

danh: Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn

Mặc Tử.

- Ban đầu, Hàn Mặc Tử sáng tác theo khuynh

hướng thơ cổ điển Đường luật, sau chuyển sang

sáng tác theo khuynh hướng Thơ mới lãng mạn.

- Tác phẩm chính: Gái quê, Thơ điên, Xuân như ý, Duyên kì ngộ, …

 => Hàn Mặc Tử là nhà thơ có hồn thơ mãnh liệt, gắn bó tha thiết với cuộc đời trong phong trào Thơ mới “ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên)

2.Tác phẩm:

 a. Xuất xứ:

- Bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" lúc đầu có tên "Ở đây thôn Vĩ Dạ",

- Được sáng tác vào khoảng năm 1938 in lần đầu trong tập "Thơ Điên" về sau đổi thành “Đau thương”.

b. Hoàn cảnh sáng tác:

Bài thơ được gợi cảm hứng từ mối tình của Hàn Mặc Tử và người con gái gốc Vĩ Dạ - Hoàng Cúc

- Ngoài ra, cảm hứng bài thơ còn qua một tấm thiệp của Hoàng Cúc gửi tặng Hàn Mặc Tử cùng với những lời động viên, an ủi khi bà nghe tin nhà thơ bị bệnh hiểm nghèo.

c. Bố cục: 3 phần:

- Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.

- Khổ 2: Cảnh đêm trăng thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa.

- Khổ 3: Tâm tình của thi nhân

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết

- “ Sao anh… thôn Vĩ ?” : Câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái:

+ Vừa như lời trách móc, hờn dỗi vừa như lời mời gọi tha thiết của người con gái thôn Vĩ.

+ Đây cũng là lời tự hỏi mình, trách mình sao không về thăm thôn Vĩ.

=> Cả câu thơ chính là ao ước thầm kín, là niềm khao khát được trở về thôn Vĩ, được thăm lại cảnh cũ, người xưa

- Cảnh thiên nhiên thôn Vĩ buổi sớm mai (câu 2,3):

 + “ Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên":

• Điệp từ “nắng”: nhấn mạnh ánh sáng của buổi bình minh.

• Hình ảnh "Nắng hàng cau nắng mới lên": gợi lên cái nắng ấm áp, rực rỡ, trong trẻo, tinh khôi trong buổi bình minh.

=> Cả câu thơ gợi vẻ đẹp trong trẻo, tinh khiết của thôn Vĩ trong buổi bình minh. Nắng chiếu trên những hàng cau trong vườn, rực rỡ, mới mẻ, tinh khôi.

 + "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc":

• “vườn ai”: đại từ phiếm chỉ “ai” gợicảm giác mơ hồ, bất định trong tâm hồn thi nhân.

• “mướt quá ”: giống như một tiếng reo ngỡ ngàng, trầm trồ, khen ngợi khi nhận ra vẻ non tơ, mượt mà, đầy xuân sắc của khu vườn thôn Vĩ.

• “Xanh như ngọc”: nghệ thuật so sánh, diễn tả được sự xanh mướt, xanh trong, màu xanh ấy đổ đầy sắc ngọc. → gợi lên vẻ đẹp tươi tốt, màu mỡ làm bừng sáng của khu vườn thôn Vĩ.

=> Thiên nhiên thôn Vĩ buổi ban mai đẹp thanh khiết, trong trẻo, thơ mộng, tràn trề sức sống.

- Con người thôn Vĩ: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền":

 + “Mặt chữ điền”: là biểu tượng của nét đẹp phúc hậu, hiền lành, trung thực.

+ “lá trúc che ngang”: lá trúc mảnh mai, gợi nét đẹp kín đáo, dịu dàng của con người xứ Huế.

=> Câu thơ giàu chất tạo hình: sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

Tiểu kết :

 Thôn Vĩ buổi ban mai: Cảnh sắc thơ mộng, con người phúc hậu.

 Tâm trạng thi nhân: hạnh phúc, yêu thiên nhiên, yêu người tha thiết cùng niềm băn khoăn, day dứt của nhà thơ.

C. Hoạt động luyện tập

1.Câu thơ nào trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử gợi vẻ đẹp nên thơ, hài hòa giữa thiên nhiên và con người thôn Vĩ?

 A. "Lá trúc che ngang mặt chữ điền".

 B. "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên".

 C. "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc".

 D. "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?".

2.Tâm trạng, cảm xúc nổi bật toát ra từ bức tranh thiên nhiên trong khổ thơ thứ nhất bài Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không thuộc nội dung, sắc thái nào sau đây?

 A. Vui tươi.

 B. Thương nhớ.

 C. Đắm say.

 D. Ngậm ngùi.

3.Hình thức câu trùng điệp ở khổ thơ đầu ("Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên") trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không nhằm dụng ý nào trong các dụng ý sau?

 A. Làm cho màu xanh "vườn ai" thêm xanh mướt, gợi cảm.

 B. Làm cho cảnh bình minh thôn Vĩ thêm tươi sáng, quyến rũ.

 C. Làm cho cả khu vườn sáng bừng lên, chan hòa nắng mới.

 D. Làm cho cảm xúc náo nức, vui tươi được bộc lộ một cách ý nhị.

4.Dòng nào nói không đúng về cuộc đời tác giả Hàn Mặc Tử?

 A. Mất nhà thương Quy Hòa (Quy Nhơn), thọ 28 tuổi.

 B. Sau khi học hết trung học, ông ra Hà Nội làm báo một thời gian rồi trở lại Quy Nhơn.

 C. Cha mất sớm, ông sống với mẹ ở Quy Nhơn (tỉnh Bình Định), học ở Quy Nhơn, và có hai năm học trung học ở Huế (1928-1930).

 D. Tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ở Đồng Hới, Quảng Bình, trong một gia đình viên chức nhỏ theo đạo Thiên Chúa.

5: Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” được sáng tác vào năm nào?

A 1936

B 1937

C 1938

D 1939

6: Hàn Mặc Tử sống những năm cuối đời ở đâu?

A Quy Nhơn

B Huế

C Quãng Bình

D Nam Định

7: Một trong những nỗi niềm mà thi nhân gửi gắm qua khổ 1 là gì?

A Nỗi nhớ người yêu da diết

B Khát nhao được trở về, tắm mình trong vẻ đẹp của thôn Vĩ

C Thể hiện tâm trạng nuối tiếc một thời đã qua

D Tất cả 3 ý trên

8.Tiếng nói nội tâm của nhân vật trữ tình trong cả khổ thơ đầu (nhất là câu hỏi: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ") trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không mang sắc thái cảm xúc nào?

 A. Hờn giận.

 B. Trách móc.

 C. Mời mọc.

 D. Băn khoăn.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ Rabinđranat Tagor từng bày tỏ: “Ngọn gió nhà thơ băng qua rừng, băng qua biển để tìm ra tiếng nói của riêng mình”.

 (Những con chim bay lạc)

Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến trên. Hãy đi tìm tiếng nói của riêng Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử trong những cảm nhận về sự sống trần gian qua hai đoạn trích sau:

Của ong bướm này đây tuần tháng mật

…

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

(Vội vàng, Xuân Diệu)

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

…

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

(Đây thôn Vĩ Dạ, Hàn Mặc Tử)

Hướng dẫn :

1, Giải thích ý kiến

Ngọn gió: tài năng, cảm hứng sáng tạo và tư tưởng nghệ thuật của nhà thơ.

Tiếng nói riêng: cái độc đáo, nét riêng trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ và cách thể hiện của nhà thơ. tạo nên sự khác biệt, biểu hiện của cá tính sáng tạo, gía trị và sức hấp dẫn trong tác phẩm.

Ý kiến đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa tài năng, tư tưởng, những trải nghiệm cá nhân và phong cách của nhà văn. Cái tài, cái tâm cùng với những rung cảm thẩm mĩ là cơ sở để nhà thơ có được “tiếng nói riêng”, giúp tác phẩm vượt qua những giới hạn, những rào cản để đến với người đọc và tạo lập nên những giá trị bất hủ.

Chứng minh ngắn gọn bằng lí luận và thực tiễn văn học.

2. Đi tìm tiếng nói riêng của Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử qua hai đoạn trích

-Xuân Diệu và Hàn Mặc Từ là hai đỉnh cao, đồng thời cũng là hai hồn thơ đặc biệt nhất của phong trào Thơ mới 1932 – 1945. Họ có những nét mới, lạ rất khác nhau, điều đó được thê hiện rõ qua cách cảm nhận và thể hiện hình ảnh của sự sống trần gian ớ hai đoạn trích của bài Vội vàng và Đây thôn Vĩ Dạ.

Cảm hứng sáng tạo:

Với Xuân Diệu là càm xúc rạo rực, háo hức của một trái tim nồng nhiệt, cuồng si đang tận hưởng trọn vẹn những âm thanh và sắc màu sự sống. Còn với Hàn Mặc Tử là nỗi khắc khoải ngóng trông bằng kí ức về một góc vườn xứ Huế đã trờ thành xa xôi, diệu kì.

Những cảm nhận riêng về thiên nhiên và sự sống trần gian:

Hàn Mặc Tử: thiên nhiên và con người trong buổi ban mai trong trẻo, tinh khôi, lung linh ánh sáng và dâng tràn sức sống. Cảnh và người vừa gần gũi, cụ thể vừa mơ hồ. nhoà nhạt trong mơ tưởng.

1Xuân Diệu: thiên nhiên tạo vật quấn quýt, giao hoà, thấm đẫm màu sắc ái ân, tình tự. Bức tranh mùa xuân với những sự vật đang khoe sắc, toả hương tươi trẻ. quyến rũ và rạo rực xuân tình.

Nghệ thuật thể hiện:

Giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh… ở mỗi đoạn thơ đều có những nét đặc biệt, thể hiện cá tính sáng tạo của từng tác giả.

=> Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử đã mang đến cho thơ ca dân tộc và người đọc những góc nhìn mới mẻ về những cảnh sắc tưởng chừng như đã vô cùng quen thuộc. Sự mới mẻ đầy hấp dẫn ấy được tạo nên từ tài năng vượt trội, tâm hồn nhạy cảm trước thiên nhiên, cuộc sống và trái tim thấm đẫm tình đời, tình người của hai thi sĩ

. Đánh giá

“Tiếng nói riêng” không chỉ tạo nên sức sống và sự hấp dẫn của tác phâm mà còn góp phần làm phong phú thêm cho thơ ca nhân loại. Vì vậy, sáng tạo bằng tài năng và tâm huyết của mình vừa là thiên chức, vừa là trách nhiệm của nhà thơ.

Tuy nhiên, chỉ khi nào cái riêng ấy chạm được đến những nỗi niêm, những khát vọng và những rung động thẩm mĩ của tất cả mọi người và mọi thời đại, thì mới tạo nên tầm khái quát và chiều sâu nhân đạo cho tác phẩm, đưa tác phâm “băng qua rừng, băng qua biển” để bất tử trong lòng ngưòi đọc.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Những kiến thức cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.

- Bức tranh thôn Vĩ bình minh và tâm trạng nhà thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn tiết tiếp theo của bài này.

Ngày soạn : 25/1/2018

Tiết 89. Đọc văn.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

 Hàn Mặc Tử

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Vẻ đẹp thơ mộng, đượm buồn của thôn Vĩ và nỗi buồn, cô đơn trong cảnh ngộ bất hạnh của một con người tha thiết yêu thiên nhiên, yêu sự sống.

- Phong cách thơ Hàn Mặc Tử qua bài thơ: một hồn thơ luôn quằn quại yêu, đau; trí tưởng tượng phong phú; hình ảnh thơ có sự hoà quyện giữa thực và ảo.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giáo dục cho Hs tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử). Phân tích khổ một của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

Trong phong trào thơ mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tiếp tục tìm hiểu văn bản.

Tìm hiểu khổ 2:

- Gọi 1 hs đọc khổ 2

GV dẫn : Ta thấy rằng ở khổ thơ này, cũng là không gian Vĩ Dạ thế nhưng nó không phải là không gian Vĩ Dạ ở buổi bình minh nữa mà không gian ấy đã thấm đẫm màu sắc hư ảo. Vĩ Dạ vừa mới hừng đông thoắt một cái đã là Vĩ Dạ huyền ảo trong đêm trăng

 - Sử dụng kĩ thuật trình bày một phút.

- Không gian thiên nhiên hiện lên ở khổ thơ thứ 2 với những hình ảnh nào?

-Em có nhận xét gì về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong hai câu thơ đầu của khổ thơ thứ hai?Phân tích nét độc đáo trong cách thể hiện của nhà thơ

- Thể hiện tâm trạng gì của tác giả?

- Trong lời thơ xuất hiện những hình ảnh quen thuộc nào trong văn học?

Hình ảnh “thuyền- sông- trăng”

- Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

 (Hồ Chí Minh)

- Thuyền kề bãi tuyết nguyệt chênh chếch

 ( Nguyễn Trãi)

GV dẫn: Có thể thấy một điều các hình ảnh “thuyền, sông, trăng” vốn là những nguồn cảm hứng sáng tác của các nhà thơ xưa và đến với Hàn Mặc Tử, ông đã có cách cảm nhận đầy mới mẻ, độc đáo khi sử dụng hình ảnh “sông trăng” thay cho hình ảnh ánh trăng

- Em hiểu dòng “sông trăng” là dòng sông như thế nào?

- Tại sao tác giả lại hỏi “có chở trăng về kịp tối nay” mà không phải là tối mai hay một tối nào khác?Qua đó ta thấy được điều gì trong tâm hồn thi sĩ?

- Hãy cho biết từ “ kịp” trong câu cuối khổ thơ đã gọi lên tâm thế gì của thi sĩ ?

- Em cảm nhận gì về cảnh vật và tâm trang thi nhân ở khổ thơ này?

 II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

2. Khổ 2: Cảnh đêm trăng thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa

-Không gian mênh mông có đủ gió, mây,sông, nước, trăng, hoa.

-“Gió theo… mây”: cách ngắt nhịp 4/3 với hai vế tiểu đối gợi tả không gian gió mây chia lìa như một nghịch cảnh đầy ám ảnh của sự chia lìa, xa cách. Lẽ thường gió thổi mây bay, phải chăng mặc cảm chia lìa đã khiến thi nhân phân đôi ca những sự vật tương chừng như không thể chia tách?

- “ Dòng nước buồn thiu”: nghệ thuật nhân hóa: dòng sông trở thành một sinh thể mang tâm trạng gợi cảm giác u buồn. Dòng sông không thể tự buồn mà nhà thơ đã gửi nỗi buồn của mình vào trong lòng sông.

- "hoa bắp lay": sự chuyển động rất nhẹ, động thái “lay” tự nó không vui không buồn nhưng trong hoàn cảnh này nó gợi nên nỗi buồn hiu hắt, thưa vắng.

→ Cảnh vật được nội tâm hóa bộc lộ nỗi đau thân phận , sự chia lìa xa cách.

=> Cảnh đẹp nhưng rời rạc, đơn độc, hiu hắt, phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ trước cuộc đời

- “ Thuyền ai đậu bến sông trăng đó”

+ “ Sông trăng” : là hình ảnh hết sức thi vị và tài hoa. Ánh trăng tan ra, làm cả mặt sông trải tràn ánh sáng của trăng. Dòng nước tắm trong ánh trăng ấy bỗng hóa thành dòng “sông trăng”. Sự liên tưởng tinh tế của nhà thơ đã tạo nên những hình ảnh lãng mạn trôi giữa hai bờ hư thực.

 + Đại từ phiếm chỉ “ai”: gợi cảm giác mơ hồ, xa lạ đầy ảo mộng.

=> Với vẻ đẹp huyền ảo của ánh trăng, sông trăng, tác giả đã thể hiện vẻ đẹp tiêu biểu của xứ Huế, êm đềm và thơ mộng.

- “Có chở trăng về kịp tối nay?”

 + “ kịp tối nay ? ”: câu hỏi tu từ thảng thốt, băn khoăn có gì đó khắc khoải, khẩn thiết. Dường như tác giả đang mong ngóng, hi vọng và đang chạy đua với thời gian.

+ Chữ “ kịp” : khiến cho khoảng thời gian “tối nay” càng trở nên ngắn ngủi. Ta cảm nhận được sự lo sợ, hối hả của tác giả về một hiện tại ngắn ngủi của mình.

+ Hàng loạt câu hỏi: thuyền ai? Thuyền có chở trăng? Có chở trăng về kịp tối nay? => Câu hỏi ẩn chứa sự day dứt, mong chờ và lo lắng trong tâm hồn nhà thơ.

+ “Thuyền chở trăng”, “bến sông trăng”: hình ảnh thi vị trôi giữa đôi bờ hư thực. Hình ảnh “thuyền chở trăng” hay chính là chở niềm mong ước được giao duyên hội ngộ

=> Cảnh vẫn đẹp nhưng hiu hắt, buồn bã, lạnh lẽo.

 Khổ thơ thứ hai đã vẽ nên một bức tranh sông Hương nên thơ, huyền ảo, phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ. Khổ thơ đã gieo vào lòng người sự cảm thông sâu sắc trước niềm đau của thi nhân.

C. Hoạt động luyện tập

1: Không gian thiên nhiên hiện lên ở khổ thơ thứ 2 với những hình ảnh nào?

A Gió, mây

B Sông, nước

C Trăng, hoa

D Cả A, B, C đều đúng

2: Bút pháp nghệ thuật ở khổ thơ thứ hai là gì?

A Bút pháp tả thực

B Bút pháp ảo hóa

C Búp pháp lãng mạn

D Bút pháp chấm phá

3.Nhịp điệu phong vị của "gió, mây, nước, hoa..." xứ Huế được miêu tả trong hai câu đầu khổ thơ thứ hai bài Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không phải là nhịp điệu, phong vị nào sau đây?

 A. Trầm buồn.

 B. Chậm rãi, khoan thai.

 C. Xôn xao, náo nức.

 D. Lặng lờ.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều từng chia sẻ:

Thơ ca là nơi duy nhất để giải phóng tôi và để tôi trú ẩn.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử để làm sáng tỏ ý kiến.

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến

– Cắt nghĩa ý kiến:

+ Giải phóng: cởi bỏ, giải thoát, vượt lên khỏi mọi giới hạn, ràng buộc.

+ Trú ẩn: tìm được nơi bình yên để nương náu.

=>Lời tâm sự của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đề cao, tôn vinh giá trị, thiên chức của thơ ca: thơ ca là cách duy nhất giúp con người vượt lên mọi giới hạn, ràng buộc để giải tỏa những cảm xúc sâu kín, đồng thời tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn.Giá trị của thơ được nhìn ở cả hai phương diện: người làm thơ và người đọc thơ.

– Lý giải ý kiến:

+ Thơ là phương thức trữ tình, là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, nơi nhà thơ chia sẻ, trút gửi những tâm tư sâu kín, những sự giày vò và chấn động bên trong. Đối với người nghệ sĩ, hoạt động sáng tạo thơ ca thực chất là sự giải phóng tâm hồn. Mặt khác, khi bộc bạch tâm tình của mình vào thơ, nhà thơ mong có được sự đồng điệu, tri âm, thấu hiểu của người đọc. Như thế, với nhà thơ, làm thơ vừa là thổ lộ, giãi bày tâm tình, vừa là tìm kiếm sự sẻ chia, đồng cảm.

+ Tình cảm trong thơ vừa mang tính cá thể, vừa có tính điển hình, vừa là nỗi lòng riêng, vừa là tiếng lòng chung. Bởi thế, khi đến với thơ, lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ, người đọc tìm được sự sẻ chia, đồng điệu, được khơi dậy những rung động, được bồi đắp và tinh luyện tình cảm, từ đó tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn.

2. Cảm nhận bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ để làm sáng tỏ ý kiến.

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn Hàn Mặc Tử khi sáng tác Đây thôn Vĩ Dạ:

+ Đây thôn Vĩ Dạ là sự giải phóng tâm hồn của Hàn Mặc Tử:

\* Nhà thơ đã vượt lên, thoát khỏi những giới hạn của câu chữ, của nỗi đau thể xác (bệnh tật giày vò), nỗi đau thân phận (hoàn cảnh tăm tối, bế tắc), nỗi đau tinh thần (sự cô đơn, tuyệt vọng, ám ảnh về cái chết) để trút gửi, bộc bạch, thổ lộ nỗi khát khao, tình yêu đời, yêu sống, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết mà đau thương, trong trẻo mà đầy uẩn khúc:

(\*) Niềm ao ước thầm kín mà đắm say, ngậm ngùi nhớ tiếc mà thiết tha rạo rực (gửi gắm qua sự rung động trước vẻ đẹp của khu vườn thôn Vĩ dưới nắng mai tinh khôi, giản dị, thanh tú: nắng hàng cau, nắng mới, vườn, xanh như ngọc, lá trúc che ngang…).

(\*) Mặc cảm chia lìa, niềm ngóng trông đến khắc khoải, đợi chờ đến vô vọng (thổ lộ qua cảnh sông nước Vĩ Dạ: gió, mây, dòng nước buồn, hoa bắp lay, thuyền trăng, sông trăng…).

(\*)Tình yêu đời đầy uẩn khúc: hoài nghi mà vẫn mơ tưởng, đau đớn mà vẫn thiết tha, tuyệt vọng mà vẫn níu kéo (thể hiện qua nỗi khắc khoải: mơ, khách đường xa, áo trắng, sương khói…)

\* Tiếng lòng của Hàn Mặc Tử trong Đây thôn Vĩ Dạđược giải phóngqua mạch thơ vừa đứt đoạn vừa nhất quán, lối tạo hình giản dị mà tài hoa, ngôn từ cực tả và biểu cảm, hình ảnh thơ giản dị mà giàu sức gợi.

+ Đây thôn Vĩ Dạ là nơi trú ẩn tâm hồn của Hàn Mặc Tử: viết bài thơ cũng chính là cách nhà thơ tìm đến một sự sẻ chia, đồng cảm, thấu hiểu để xoa dịu nỗi đau trong tâm hồn.

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn người đọc khi đến với bài thơ:

+ Vượt ra khỏi sự chật hẹp của câu chữ, vượt lên khỏi những bộn bề của cuộc sống đời thường, bài thơ khơi gợi, đánh thức trong lòng người đọc sự đồng cảm, sẻ chia với tiếng lòng đau thương của nhà thơ; nỗi xốn xang ngậm ngùi về những kỉ niệm đẹp đã mãi tuột khỏi tầm tay; những rung động và khao khát hướng đến những điều lớn lao và đẹp đẽ trong cuộc sống.

+ Đó cũng là điểm tựa tinh thần xoa dịu những mất mát, đau thương, giúp bồi đắp, thanh lọc tâm hồn con người.

3. Bình luận – đánh giá ý kiến

– Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn con người khi sáng tạo và tiếp nhận thơ ca không tách biệt mà diễn ra một cách đồng thời, bổ sung cho nhau. Khi nhà thơ trút gửi tâm tình cũng là lúc đang sẻ chia, tìm kiếm sự đồng cảm, thấu hiểu, tri âm. Còn người đọc, khi lắng nghe tiếng lòng nhà thơ, thức dậy bao xúc cảm, trăn trở cũng là lúc được sẻ chia, bồi đắp, thanh lọc tâm hồn.

– Chia sẻ của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều là một quan niệm xác đáng về giá trị, thiên chức cao cả của thơ ca. Thơ ca chân chính muôn đời vẫn luôn là điểm tựa tinh thần, là sự cứu rỗi tâm hồn con người. Sứ mệnh ấy của thơ ca là duy nhất, không có bất cứ điều gì có thể thay thế.Chừng nào con người còn cần đến sự đồng cảm, sẻ chia của tâm hồn, cần đến điểm tựa tinh thần, khi ấy, thơ ca sẽ còn ở lại.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Bức tranh thôn Vĩ đêm trăng và tâm trạng nhà thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn tiết tiếp theo của bài này.

**Ngày soạn : 26/1/2018**

**Tiết 90. Đọc văn.**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

 **Hàn Mặc Tử**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

LỚP 11A2, 11A3, 11A4 :

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uẩn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

LỚP 11A6 :

- Giúp học sinh cảm nhận được bức tranh thiên nhiên, phong cảnh cũng là tâm cảnh, qua đó thể hiện một nỗi buồn cô đơn của Hàn Mặc Tử. Đó còn là tấm lòng thiết tha của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc sống và con người.

- Nhận biết sự vận động của tứ thơ, tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới.

b. Kĩ năng

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Phân tích tác phẩm trữ tình.

c. Tư duy, thái độ

- Giúp học sinh thêm yêu thiên nhiên, con người và quý trọng tình cảm, biết đồng cảm, chia sẻ với những người mắc bệnh hiểm nghèo như Hàn Mặc Tử.

2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh

- Năng lực tự học. Năng lực thẩm mĩ. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Năng lực tổng hợp, so sánh.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

1. Giáo viên: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

2. Học sinh: Sách giáo khoa; Vở soạn; Vở ghi.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp Ngày dạy Sĩ số HS vắng

11A2

11A3

11A4

11A6

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử). Phân tích khổ hai của bài thơ.

3. Bài mới

A. Hoạt động khởi động

 Hàn Mặc Tử được xem là “một tếng thơ bí ẩn, một đời thơ bất hạnh” nhất của phong trào thơ mới. Đến với tập “thơ điên” của ông, ta như say trong “máu cuồng và hồn điên” với những đau thương, day dứt. Ấy thế mà giữa bản đàn rớm máu ấy lại lạc vào một nốt nhạc trong trẻo tựa hồ cõi thiên thai lạc giữa bụi trần. “Đây thôn Vĩ Dạ” là bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS tiếp tục đọc hiểu văn bản

Tìm hiểu khổ 3:

- Gọi 1 Hs đọc lại khổ 3

- Nghệ thuật gì đã được sử dụng ở câu thơ đầu tiên? Phân tích ý nghĩ của biện pháp nghệ thuật đó?

- Em có nhận xét gì về cách miêu tả hình ảnh người con gái trong câu thơ "Áo em trắng quá nhìn không ra"?

- "Sương khói mờ nhân ảnh" là hình ảnh thực hay mơ?

- Em có nhận xét gì về đại từ phiếm chỉ “ai” ? "Ai" lặp lại hai lần nhằm mục đích gì?

+ Chút hoài nghi trong câu thơ cuối biểu hiện tình cảm gì của tác giả?

- Em cảm nhận gì về cảnh vật và tâm trang thi nhân ở khổ thơ này?

GV hướng dẫn HS tổng kết

Em hãy nêu những giá trị nghệ thuật của bài thơ ( ngôn ngữ, nhịp điệu, hình ảnh thơ và các biện pháp nghệ thuật) ?

Gv bổ sung, chốt lại.

Em có nhận xét gì về ý nghĩa văn bản của bài thơ?

 II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

3. Khổ 3: Tâm tình của thi nhân.

- “Mơ khách đường xa, khách đường xa”

 + “mơ”: đó là trạng thái vô thức, nhà thơ đang đắm chìm trong cõi mộng

+ Điệp từ “khách đường xa”: đã đẩy người khách xa đến vô vọng, xa đến nỗi không thể nào gặp được. Nhấn mạnh nỗi xót xa của nhà thơ.

 - “Áo em trắng quá nhìn không ra”:

 + “Áo em trắng quá” → từ “quá”: sự choáng ngợp, thảng thốt nhưng đằng sau đó là sự nghẹn ngào, xót xa nuối tiếc.

 + “nhìn không ra”: cực tả sắc trắng, trắng một cách kỳ lạ và bất ngờ. Đây không còn là màu sắc thực nữa mà là màu của tâm tưởng.

- “ Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”

 +“Ở đây”: chính là thế giới nhà thơ đang tồn tại, đang từng giây từng phút vật vã với cái chế- đó là thế giới lạnh lẽo, u ám mà nhà thơ luôn ngóng vọng được ra ngoài.

 + “Sương khói”: sương khói của một mối tình mong manh chưa lời ước hẹn, sương khói cua một trái tim biết mình sắp từ giã cõi đời…

- “Ai biết tình ai có đậm đà ? ”

+ Đại từ phiếm chỉ “ai” lặp lại 2 lần: là tiếng gọi tha thiết đầy khát vọng nhưng “khách đường xa” dường như cứ chập chờn rồi khuất bóng =>nhấn mạnh tâm trạng bâng khuâng, xót xa của một tâm hồn đang khao khát được yêu, khao khát sự đồng điệu, đồng cảm.

+ Nhà thơ làm sao biết tình người xứ Huế có đậm đà với mình hay không, hay cũng mờ ảo như làn khói kia.

+ Người xứ Huế có biết hết chăng tình cảm của nhà thơ đối với cảnh Huế, người Huế hết sức đậm đà?

 Ý thơ thể hiện nỗi trống vắng, cô đơn trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời đã nhuốm đau thương, bất hạnh.

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật:

- Hình ảnh thơ độc đáo, đẹp, gợi cảm; ngôn ngữ trong sáng, tinh tế, giàu liên tưởng.

- Âm điệu, nhịp điệu thơ tinh tế, thiết tha

- Hình ảnh thơ sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

- Nghệ thuật liên tưởng, so sánh, nhân hóa, cùng với những câu hỏi tu từ xuyên suốt bài thơ, Hàn Mặc Tử đã phác họa ra trước mắt ta một khung cảnh nên thơ, đầy sức sống.

2. Nội dung

- Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến đối với cảnh sắc thiên nhiên, con người xứ Huế và nỗi buồn sâu kín trong dự cảm tình yêu, hạnh phúc chia xa của nhà thơ.

C. Hoạt động luyện tập

1: Đại từ phiếm chỉ “Ai” trong khổ 3 được lặp lại mấy lần, và “Ai” chỉ đối tượng nào?

A 1 lần, “Ai” là tác giả

B 1 lần, “Ai người xứ Huế

C 2 lần, “Ai” là tác giả và là người xứ Huế

D 3 lần, “Ai là tác giả và là người xứ Huế

2.Trong ba lần sử dụng câu hỏi tu từ với đại từ phiếm chỉ "ai" (Vườn ai...? Thuyền ai...? Ai biết tình ai...?) trong Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử, lần nào người đọc cảm nhận câu hỏi tu từ ẩn giấu một nỗi buồn da diết?

 A. Không lần nào.

 B. Lần thứ nhất (khổ đầu).

 C. Lần thứ ba (khổ cuối).

 D. Lần thứ hai (khổ giữa).

3.Sắc thái cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử không phải là sắc thái nào sau đây?

 A. Hoài nghi.

 B. Tuyệt vọng.

 C. Nhớ thương, vô vọng.

 D. Khát khao, vô vọng.

4.Nhận định nào sau đây không đúng?

Khởi đầu sự nghiệp văn chương bằng lối thơ truyền thống (Đường luật), phát triển sự nghiệp văn chương bằng lối thơ hiện đại, tân kì (lãng mạn, tượng trưng, siêu thực), con đường thơ Hàn Mặc Tử là con đường

 A. hiện đại hóa thơ Việt.

 B. liên tục làm cách mạng trong thơ.

 C. không ngừng tự làm mới thơ mình.

 D. đi từ thơ cũ đến thơ mới.

5.Cảm hứng bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử được bắt đầu từ tấm thiếp phong cảnh của cô gái thôn Vĩ Dạ. Cô gái đó là ai?

 A. Mộng Cầm.

 B. Thương Thương.

 C. Hoàng Cúc.

 D. Mai Đình.

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO 11A6

Ba khổ thơ là ba bức tranh khác nhau. Phải chăng bài thơ là sự chắp nối vụng về, rời rạc giữa 3 đoạn? Có dòng chảy nào xuyên suốt các khổ thơ?

Gợi ý:

- Từ khổ 1 - khổ 2 - khổ 3:

+ Cảnh vật: tươi sáng, giàu sức sống - ảm đạm, uể oải – hư ảo, mờ nhòe.

+ Tâm trạng thi nhân: hi vọng – dự cảm chia lìa, thất vọng, hồ nghi – tuyệt vọng.

-Đại từ phiếm chỉ ai mang nghĩa mơ hồ lặp lại đều đặn trong các khổ thơ: vườn ai, thuyền ai, ai biết tình ai.

- Sự lặp lại của các câu hỏi tu từ trong các khổ: Sao anh không về chơi thôn Vĩ?; Có chở trăng về kịp tối nay?; Ai biết tình ai có đậm đà? thể hiện sự khắc khoải, khát khao tình yêu, hạnh phúc của chủ thể trữ tình.

E. Hoạt động củng cố, dặn dò

1. Củng cố

- Thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.

- Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

2. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn bài “Chiều tối” (Hồ Chí Minh).

**85-86. Đọc văn.**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

 **Hàn Mặc Tử**

A. Mục tiêu bài học

 1. Kiến thức

 - Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uổn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

 - Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

 2. Kĩ năng

 Đọc hiểu bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

 Cảm thụ, phân tích bài thơ

 3. Thái độ

 - Giáo dục hs yêu quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ..

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

D. Tiến trình dạy học

 1. Ổn định tổ chức

Lớp Tiết 85 Tiết 86

 Sĩ số HS vắng Sĩ số HS vắng

11A4

11A5

11A6

 2. Kiểm tra bài cũ : Không.

 3. Bài mới

Hoạt động 1. Hoạt động trải nghiệm

 Trong phong trào thơ mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.

Hoạt động của giáo viên Hoạt động của học sinh

TIẾT 85

Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

GV giới thiệu cho hs tiểu sử tác giả và sự ngiệp thơ ca,cho hs ghi ý chính

Nên nói đến căn bệnh đã ảnh hưởng đến hồn thơ của ông

Những tác phẩm chính của t/g?

Ở phần này gv chốt lại vấn đề sau khi dẫn chứng một số bài thơ của ông như Bẽn lẽn, Gái quê,Mùa xuân chín.

Qua những bài thơ đó thì yếu tố lãng mạn, siêu thực thể hiện ntn?(Gv có thể trả lời nếu hs không phát hiện được)

Hs tìm hiểu xuất xứ, đại ý của bài thơ và phân chia bố cục

Gv hướng dẫn hs đọc hiểu chi tiết bài thơ.

Gv đọc qua bài thơ và yêu cầu hs đọc diễn cảm

Câu hỏi đầu tiên gợi điều gì?

Cảnh Thôn Vĩ hiện lên ra sao?

Bóng dáng của người con gái Huế xuất hiện gây thêm ấn tượng gì cho lời mời gọi?

Hs thảo luận và trả lời những câu hỏi trên,gv tổng hợp và cho ghi ý chính.

Hết tiết 85, chuyển sang tiết 86.

Phân tích bức tranh thiên nhiên ở khổ 2,nó có sự khác biệt gì so với khổ 1?

Nhận xét về cách sử dụng biện pháp tu từ?

Tâm trạng của chủ thể trữ tình thay đổi ntn?

Hình ảnh bến sông trăng gợi cho em cảm giác gì về vẻ đẹp của thiên nhiên

Đằng sau phong cảnh ấy là tâm sự gì của nhà thơ?

Hs thảo luận và trả lời câu hỏi,gv định hướng và tổng hợp vấn đề

Em hiểu ntn về câu thơ “Áo em....”?

Câu hỏi cuối cùng bộc lộ tâm trạng gì và nó có liên quan ntn với câu hỏi mở đầu?

Hs thảo luận và trả lời

Mối tình của tác giả có liên quan như thến nào đến những tâm sự trong bài thơ này?

Phần này gv đã giới thiệu ở đầu nay nhấn lại để hs dễ nhận ra tâm trạng thay đổi qua cách nhìn và cách cảm thiên nhiên.

Hãy nêu đặc sắc của bài thơ?

Hãy rút ra ý nghĩa văn bản ?

Gv hướng dẫn Hs tổng kết.

Hs nêu chủ đề,gv tổng kết.

 I.Tìm hiểu chung

 1. Tác giả

- Hàn Mặc Tử(1912-1940),tên thật là Nguyễn Trọng Trí,sinh ra ở Đồng Hới,Quảng Bình

-Sớm mất cha sống với mẹ tại Quy Nhơn

-Đi làm công chức thời gian ngắn rồi mắc bệnh

-Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới “ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam”(Chế Lan Viên)

 2.Sự nghiệp

-Tác phẩm chính:Gái quê,thơ điên,xuân như ý,duyên kì nhộ,quần tiên hội

-Tâm hồn thơ ông đã thăng hoa thành những vần thơ tuyệt diệu,chẳng những gợi cho ta niềm thương cảm còn đem đến cho ta những cảm xúc thẩm mĩ kì thú và niềm tự hào về sức sáng tạo của con người

-Quá trình sáng tác thơ của ông đã thâu tóm cả quá trình phát triển của thơ mới từ lãng mạn sang tượng trưng đến siêu thực

3.Bài thơ

 a. Hoàn cảnh sáng tác :Nằm trong tập “Gái quê”sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.

b.Giá trị bài thơ: Lòng yêu cuộc sống, nỗi niềm trong dự cảm chia xa, niềm hi vọng mong manh về TY hạnh phúc

 c.Bố cục:2 phần

III. Đọc hiểu

 A. Nội dung

 1/Bức tranh thôn Vĩ

 A. Vĩ Dạ hừng đông

-Câu hỏi tu từ: “Sao anh....” gợi cảm giác trách cứ nhẹ nhàng cũng là lời mời gọi tha thiết

-Cảnh thôn Vĩ: đẹp trữ tình, thơ mộng qua sự hoá thân của chủ thể trữ tình vào nhân vật

-Con người:Lá trúc ....bóng dáng con người xuất hiện trong phong cảnh tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi

Vĩ Dạ hừng đông đúng là cảnh của sự mời gọi,dù là mời gọi trong tưởng tượng,trong kí ức nhưng ta nghe như có tiếng thì thầm của gặp gỡ,vui tươi.

B. Vĩ Dạ đêm trăng

-Hình ảnh:Gió lối gió,mây đường mây biểu hiện của sự chia cách

- Nhân hóa: Dòng nước....làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bãsự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình

 Bến sông trăng:h/ả lạ,gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo

-Câu hỏi:Có chở......sáng lên hivọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung,xa vời

Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng

 2/ Tâm trạng của nhà thơ

-Mơ khách .....:Khoảng cách về thời gian, không gian

-Áo em .....:hư ảo, mơ hồhình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng,xót xa

-Ai biết ........:biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc

Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.

B. Nghệ thuật

- Trí tưởng tượng phon phú.

- Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..

- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giũa thực và ảo.

C. Ý nghĩa văn bản

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ.

III. Tổng kết

Ghi nhớ (Sgk)

Hoạt động 5. Hoạt động bổ sung

4.Củng cố

Hệ thống hóa bài học bằng nội dung phần ghi nhớ.

5. Dặn dò

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn bài “Chiều tối” của Hồ Chí Minh.